TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 09/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 458/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Lê Văn R**, sinh năm 1964; CCCD số: 048064003597 ngày cấp 25/11/2024. Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1965; CCCD số: 048165000565 ngày cấp: 11/04/2021. Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 26 tháng 12 năm 2025, người yêu cầu là ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 1988 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận C, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là phường A, TP Đà Nẵng) (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01, do UBND phường A, quận C, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp ngày 09/5/1988). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do 2 vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã cố gắng tìm biện pháp khắc phục nhưng không đem lại kết quả gì. Vợ chồng đã ly thân 2008 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Hoàng Y, sinh năm: 1988 và Lê Hoàng O, sinh năm: 1989. Hiện nay cả 02 con đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài nợ chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đềuAxác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0007429 ngày 19/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01, do UBND phường A, quận C, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là phường A, TP Đà Nẵng) cấp ngày 09/5/1988 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Hoàng Y, sinh năm: 1988 và Lê Hoàng O, sinh năm: 1989. Hiện nay cả 02 con đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N đềuAxác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị Như Ý đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Lê Văn R và bà Hoàng Thị N mỗiAngười phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0007429 ngày 19/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường A, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài